

**Soạn văn 11:**

## Bài Ôn tập phần Văn học (học kì 1)

**Câu 1 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

\* Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945 hình thành theo hai bộ phận và phân hóa thành nhiều dòng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển. Do đặc điểm của một nước thuộc địa, chịu sự chi phối mạnh mẽ và sâu sắc của quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 hình thành hai bộ phận: văn học công khai và văn học không công khai.

- Bộ phận văn học công khai: là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng pháp luật của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dân tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Phân hóa thành nhiều xu hướng:

+ Xu hướng văn học lãng mạn.

+ Xu hướng văn học hiện thực.

- Bộ phận văn học không công khai là văn học cách mạng bí mật. Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.

\* Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 phát triển với một tốc độ hết sức nhanh chóng. Nguyên nhân:

- Sức sống văn hóa mãnh liệt mà hạt nhân là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, biểu hiện rõ nhất là sự trưởng thành và phát triển của tiếng Việt và văn chương Việt.

- Sự thức tỉnh ý thức cá nhân của tầng lớp trí thức Tây học.

- Sự tác động của thời đại: Văn chương lúc này trở thành một thứ hàng hóa, viết văn trở thành một nghề để kiếm sống.

**Câu 2 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

a. So sánh tiểu thuyết trung đại và tiểu thuyết hiện đại:

- Tiểu thuyết trung đại Việt nam thường vay mượn đề tài, cốt truyện của văn học Trung Quốc; tập trung vào việc xây dựng cốt truyện li kì, hấp dẫn; kết cấu theo kiểu chương

hồi và theo công thức; kết thúc có hậu; truyện được trần thuật theo trình tự thời gian; nhân vật thường phân tuyệt rạch ròi; câu văn theo lối biên ngẫu...

- Tiểu thuyết hiện đại không theo những lối mòn cũ. Tiểu thuyết hiện đại lấy tính cách nhân vật làm trung tâm, chú trọng tính cách hơn là cốt truyện, đi sâu và thế giới nội tâm nhân vật. Tiểu thuyết trần thuật theo thời gian tự nhiên mà rất linh hoạt; kết thúc thường không có hậu; bỏ những ước lệ, dùng bút pháp tử thực; lời văn tự nhiên, gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

b. Trước năm 1930, tiểu thuyết viết bằng chữ quốc ngữ chưa nhiều. Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên khẳng định được chỗ đứng của mình trên lĩnh vực tiểu thuyết, ông để lại hàng chục tác phẩm khắc họa cuộc sống của con người nơi vùng đất Nam Bộ. Tuy nhiên, tác phẩm của Hồ Biểu Chánh còn mô phỏng cốt truyện từ bên ngoài và chịu ảnh hưởng của văn chương trung đại, chưa thoát khỏi kết cấu chương hồi, cách kết thúc có hậu, nhân vật có tính chất minh họa cho những quan điểm đạo đức... Các đặc điểm này thể hiện rõ trong tiểu thuyết Cha con nghĩa nặng của ông.

### **Câu 3 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

- Tình huống truyện trong tác phẩm Vi hành của tác giả Nguyễn Ái Quốc đó là tình huống nhằm lẫn của đôi trai gái người Pháp trong chuyến tàu điện ngầm: nhìn người An Nam (nhân vật tôi) và cho đó là Khải Định. Nhờ sự nhầm lẫn mà hình ảnh Khải Định được miêu tả vừa rất khách quan lại vừa hài hước.

- Tình huống truyện trong Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan là mâu thuẫn trào phúng giữa chính quyền thực dân phong kiến với mong ước xin được ở nhà của người dân, giữa việc đi cổ vũ với việc tìm mọi cách chạy chọt để được ở nhà, thậm chí tìm mọi cách trốn tránh. Trên cơ sở những mâu thuẫn đó, mỗi cảnh tình riêng lại có những nét hài hước riêng.

- Trong tình huống truyện Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo: Cuộc kì ngộ của hai con người khác thường:

+ Viên quản ngục – kẻ đại diện cho quyền lực, nhưng lại khát khao cái đẹp, say mê cái đẹp.

+ Huân Cao – người tử tù có tài viết chữ đẹp, chống lại triều đình phong kiến, đại diện cho cái đẹp.

→ Xét trên bình diện xã hội: Họ là những kẻ đối nghịch.

→ Xét trên bình diện nghệ thuật: Họ là tri âm, tri kỉ, yêu cái đẹp.

=> Tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn: Mối quan hệ éo le, đầy trớ trêu giữa hai con người tri âm, tri kỉ.

- Tình huống truyện trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao là tình huống bi kịch thể hiện mâu thuẫn giữa khát vọng sống lương thiện, khát vọng làm người và tình trạng bị cự tuyệt quyền làm người.

#### **Câu 4 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

\* Đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam:

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật ở những dòng tâm trạng trôi chảy, cảm xúc mong manh, mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.

- Miêu tả tinh tế sự chuyển biến của cảnh vật và tâm trạng con người.

- Bút pháp tương phản đối lập: vừa đậm đà yếu tố hiện thực vừa phảng phất chất lãng mạn.

- Lối kể chuyện thủ thỉ, tâm tình, thấm đượm chất thơ trữ tình sâu sắc.

\* Đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân:

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: nhân vật được xây dựng bằng bút pháp lí tưởng hóa cảm cảm hứng lãng mạn.

- Cảnh trong tác phẩm được xây dựng bằng nghệ thuật tương phản, làm nổi bật sự đối lập gay gắt giữa cái đẹp và cái xấu, cái ác và cái thiện, tính cách và hoàn cảnh.

- Trong truyện đoạn miêu tả cảnh vật và không khí thiêng liêng, cổ kính của cảnh cho chữ. Đoạn văn thể hiện tài năng sắc sảo của Nguyễn Tuân trong việc sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện, giàu tính tạo hình, kết hợp với bút pháp đối lập trong tạo dựng cảnh.

\* Đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao: Ngôn ngữ trong tác phẩm rất sống động, vừa điêu luyện, nghệ thuật, vừa rất gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày. Giọng điệu của nhà văn phong phú và biến hóa, có sự đan xen lẫn nhau. Cách trần thuật cũng rất linh hoạt. Nhà văn có khả năng nhập vào các vai, chuyển từ vai này sang vai khác một cách tự nhiên, linh hoạt, gây hấp dẫn cho người đọc. Lúc thì trần thuật theo điểm nhìn của tác giả, lúc thì trần thuật theo điểm nhìn của nhân vật Chí

Phèo, khi lại trần thuật theo điểm nhìn của thị Nở, bá Kiến... Qua đó tạo nên giọng điệu đan xen độc đáo.

**Câu 5 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

\* Nghệ thuật trào phúng đặc sắc trong đoạn trích Hạnh phúc của một tang gia:

- Nghệ thuật tạo tình huống cơ bản rồi mở ra những tình huống khác.
- Khai thác và sử dụng triệt để biện pháp nghệ thuật đối lập nhưng cùng tồn tại trong một sự vật, một con người để làm nổi bật lên tiếng cười.
- Giọng văn mỉa mai, sử dụng thủ pháp cường điệu, nói quá được sử dụng một cách linh hoạt.
- Ngôi bút miêu tả sắc sảo: Những nét riêng của từng nhân vật trong đoạn trích.

\* Số đỏ là tác phẩm tiêu biểu nhất của Vũ trọng Phụng và được đánh giá là tác phẩm vào loại xuất sắc nhất của văn xuôi Việt Nam, kể từ khi có chữ quốc ngữ. Thông qua tác phẩm, nhà văn đã kích sâu cay xã hội tư sản thành thị đang chạy theo lối sống nhỏ nhăng, đòi bại đương thời.

**Câu 6 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

- Mâu thuẫn thứ nhất là mâu thuẫn giữa nhân dân khốn khổ, lầm than với bọn hôn quân bạo tàn cùng phe cánh của chúng đã được giải quyết dứt khoát theo quan điểm của nhân dân. Bạo chúa Lê Tương Dực bị giết; đại thần Nguyễn Vũ tự sát; đám cung nữ bị những kẻ nổi loạn nhục mạ, bắt bớ.

=> Vũ Như Tô đã đứng trên quan điểm của nhân dân để giải quyết mâu thuẫn.

- Mâu thuẫn thứ hai là mâu thuẫn giữa quan điểm nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời và lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân chưa được tác giả giải quyết một cách dứt khoát. Điều đó được thể hiện trong hồi cuối của vở kịch ở việc Vũ Như Tô cho đến lúc chết vẫn không nhận ra sai lầm của mình, vẫn đinh ninh là mình vô tội. Ông không đứng về phía Lê Tương Dực nhưng ông lại muốn mượn uy quyền và tiền tài của hắn để thực hiện hoài bão và ước mơ của mình, và vì thế vô tình gây nên nỗi khổ cho nhân dân. => Cách giải quyết vấn đề của Vũ Như Tô trong đoạn trích đã phân nào giải quyết được mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Nghệ thuật chân chính phải chú ý đến con người, người nghệ sĩ khi làm nghệ thuật phải chú ý đến điều đó.

**Câu 7 (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):**

Trong Đời thừa Nam Cao phát biểu: “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, biết khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”.

Ý kiến nêu trên khẳng định yêu cầu hết sức quan trọng đối với tác phẩm văn chương và các tác phẩm nghệ thuật. Người nghệ sĩ ở đây phải sáng tạo, tìm tòi và phát hiện ra những cái mới.

Đây là ý kiến hoàn toàn đúng, phản ánh bản chất của nghệ thuật, đã được nhiều người thừa nhận và khẳng định theo những cách diễn đạt khác nhau. Ở đây, Nam Cao đã diễn đạt điều đó một cách ngắn gọn, hàm súc và giàu hình ảnh. Soi tỏ vào các sáng tác của Nam Cao có thể thấy rất rõ vấn đề này.

Ví dụ: Trong các sáng tác của Nam Cao trước cách mạng tháng Tám ở đề tài người nông dân. Đây là đề tài không phải mới mẻ đối với các nhà văn hiện thực, bởi trước Nam Cao đã có Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... Nhưng Nam Cao không đi lại lối mòn của các nhà văn trước đó, mà ông đi sâu vào việc khá phá quá trình con người bị tha hóa, bị đè nén trở thành những tên lưu manh hóa. Từ đó ông đặt ra các vấn đề có ý nghĩa xã hội và nhân sinh.

**Câu 8** (trang 204 sgk Ngữ Văn 11 Tập 1):

- Tình yêu của Rô - mê - ô và Giu - li - ét diễn ra trong hoàn cảnh hai dòng họ có mối hận thù truyền kiếp. Tính chất hận thù của hai dòng họ được phản ánh trong lời thoại của Rô-mê - ô ba lần và Giu - li - ét năm lần.

- Nỗi ám ảnh về hận thù giữa hai dòng họ xuất hiện ở Giu - li - et nhiều hơn, nhưng thái độ của Rô - mê - ô thì quyết liệt hơn, vì tình yêu chàng sẵn sàng từ bỏ cả dòng họ của mình để đến với Giu - li - et.

- Cả hai đều ý thức được sự hận thù nhưng tình yêu của họ không hề xung đột với sự hận thù mà họ cùng muốn vượt qua tất cả, vượt qua sự hận thù để đến với nhau.